

Bản án số: 68/2022/HS-ST

Ngày: 14/11/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Duy Hiền và bà Bùi Thị Thúy

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Hoàng Long – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Ông Trịnh Quốc Thịnh và bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. PHẠM VĂN T**, sinh năm 1993 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn L, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đua và bà Phạm Thị Hanh.

Tiền án:

- Ngày 29/4/2016, Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp là 14.020.000 đồng). Tại Bản án số 108/2016/HSST ngày 13/7/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 04/5/2016, Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trộm cắp là 31.979.000 đồng). Tại Bản án số 33/2016/HSST ngày 19/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 13/4/2016, Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản

trộm cắp là 28.448.000 đồng). Tại Bản án số 38/2016/HSST ngày 18/11/2016, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 108/2016/HSST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và Bản án số 33/2016/HSST ngày 19/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, T phải chấp hành chung là 54 tháng tù. Ngày 20/01/2020, T chấp hành xong hình phạt. Chưa được xóa án tích.

- Ngày 13/02/2020, Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 13.000.000 đồng). Tại Bản án số 15/2020/HS-ST ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 05/02/2020, Phạm Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản là 10.554.500 đồng). Tại Bản án số 81/2020/HSST ngày 22/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 15/2020/HSST ngày 05/5/2020 của Tòa án huyện Gia Lộc, buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 28 tháng tù. Ngày 17/6/2022, T chấp hành xong hình phạt. Chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2022, hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn “Tạm giam”. Có mặt.

**2. ĐẶNG THANH B**, sinh năm 1991 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn L, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc Quỳnh và bà Nguyễn Thị Loan.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 14/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 21/2020/QĐ-TA. Thời gian chấp hành là 20 tháng. Ngày 27/5/2022, B chấp hành xong quyết định.

- Ngày 25/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 06/2022/QĐ-TA. Thời gian chấp hành là 21 tháng. B chưa chấp hành Quyết định.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 09/02/2018, TAND

huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 07 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chấp hành xong bản án ngày 15/6/2018.

- Ngày 28/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10/2018/QĐ-TA, thời hạn áp dụng 18 tháng. Ngày 10/3/2020, B chấp hành xong quyết định.

- Ngày 20/4/2020, Chủ tịch UBND xã GT ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 23/QĐ-UBND đối với B, thời hạn 03 tháng. Ngày 22/6/2020 Chủ tịch UBND xã GT ra Quyết định về việc chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 29/QĐ-UBND.

- Ngày 01/8/2016, Chủ tịch UBND xã GT ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 35/2016/QĐ-UBND đối với B, thời hạn 03 tháng. Ngày 01/11/2016 B chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2022, hiện đang chấp hành biện pháp ngăn chặn “Tạm giam”. Có mặt.

*\* Bị hại:* Điều vắng mặt.

- Anh Đoàn Mạnh D, sinh năm 1999

- Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1976

- Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1985

*Người đại diện theo ủy quyền của ông C và bà H:* Anh Đoàn Mạnh D, sinh năm 1999;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn PX, xã YK, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995

- Anh Bùi Văn Đức, sinh năm 1990

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Đức:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995;

Đều cư trú tại địa chỉ: Thôn TL, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Ông Phạm Xuân Q, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn ĐC, xã ĐX, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Điều vắng mặt.

- Ông Bùi Trọng A, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 23, ngõ 53, phố TG, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Ông Đỗ Văn A1, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Số 25, TV, khu TV, phường VT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Anh Chu Quang A3, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 162, phố NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

*\* Người làm chứng:* Đều vắng mặt.

- Anh Lê Văn Đ1, sinh năm 1989

Nơi cư trú: thôn PT, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đặng Thị Đ2, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn 6, xã TH, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn Thích, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn L, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

- Anh Đặng Đình Đ3, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn PK, xã E, huyện G, tỉnh Hải Dương.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Vụ thứ nhất:** Tối ngày 12/7/2022, Phạm Văn T cùng Đặng Thanh B rủ nhau đến phòng trọ của Nguyễn Văn Thích tại thôn L, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương để chơi và ngủ lại. Đến khoảng 02 giờ ngày 13/7/2022, B và T tỉnh dậy còn Thích vẫn ngủ. Do thường xuyên sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, BKS 34K1 - 002.86 của Thích để làm phương tiện đi lại (Thích biết và đồng ý, không cần B, T phải hỏi mượn), lúc này B, T thấy chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa xe máy nên cả hai cùng rủ nhau sử dụng chiếc xe mô tô này đi tìm nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. B điều khiển xe chở T đi về xã YK, huyện G. Khi đến ngã tư Huyện Bủa, B điều khiển xe rẽ phải đi vào đường trong thôn PX, khi đi qua nhà đầu tiên phía bên tay trái thì B phát hiện nhà anh Đoàn Mạnh D ở thôn PX, xã YK, huyện G, tỉnh Hải Dương chỉ khóa cổng, không khóa cửa nhà. B điều khiển xe quay lại và đỗ xe ở khu vực tường bao trước vườn cây của nhà anh D rồi bảo T vào trộm cắp tài sản, còn B ở bên ngoài canh giới. T trèo qua tường gạch vào vườn cây, đi qua vườn và sân đến ngôi nhà ba gian của anh D. Vì cửa ngôi nhà mở nên T đi vào phòng chính giữa thấy phía bên phải có người đang ngủ trên giường. T tiến lại thấy có 01 chiếc điện thoại để trên giường nên dùng hai tay vén màn và dùng tay phải lấy chiếc điện thoại cho vào túi áo đang mặc của mình. Sau đó, T đi vào phòng ngủ phía bên trái thì thấy có người ngủ trên giường, T tiến lại gần thì phát hiện trên đầu giường có một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone đang cắm sạc và một chiếc ví nam nên T lấy chiếc điện thoại và ví bỏ vào trong túi áo rồi đi ra ngoài. Lúc này T tiếp tục đi vào phòng ngủ ở phía bên trái trước hiên nhà thì thấy có người đang ngủ trên giường nên T vào trong phòng thì thấy có 01 chiếc điện thoại để ở đầu giường, T

lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát bằng hướng đường đã đột nhập trước đó. Sau đó, T ngồi lên sau xe của B rồi tẩu thoát. Trên đoạn đường từ thôn PX đi ra ngã tư Huyện Bửu, T bỏ chiếc ví vừa trộm cắp được ra kiểm tra thì phát hiện trong ví có 200.000 đồng, T lấy hết số tiền này cất vào túi áo rồi ném chiếc ví xuống phía bên phải đường đi, không rõ ở khu vực nào. Khi về phòng trọ của Thích thì thấy Thích vẫn đang ngủ. B và T kiểm tra tài sản đã trộm cắp được thì thấy đã trộm cắp được 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J4, màu đen, bên trong máy có lắp 01 sim nhà mạng Viettel; 01 điện thoại Iphone 11 pro, màu vàng, bên trong máy có lắp 01 sim nhà mạng Vinaphone; 01 điện thoại Nokia màn hình đen trắng, bên trong máy có lắp 01 sim nhà mạng Viettel và 200.000 đồng tiền mặt. T tháo bỏ 03 sim điện thoại ra khỏi 03 chiếc điện thoại đã trộm cắp và cho 03 sim này vào túi quần của mình, sau đó B và T cất xe máy của Thích vào vị trí cũ rồi đi ngủ.

Đến khoảng 08 giờ ngày 13/7/2022, anh Lê Văn Đ1 là bạn bè quen biết xã hội đến phòng trọ của Thích chơi thì gặp B và T. Trong lúc nói chuyện, B nói có một người bạn nhờ bán hộ chiếc Iphone 11 Pro và nhờ Đ1 tìm nơi bán hộ. Anh Đ1 nói có anh vợ tên là Bùi Trọng A đang muốn mua Iphone cũ và giới thiệu đề B và T lên thành phố HD gặp anh A. Tiếp đó, anh Đ1 nói không có điện thoại nên anh B đã lấy chiếc điện thoại Samsung J4 đã trộm cắp trước đó cho anh Đ1 sử dụng. Sau khi anh Đ1 ra về thì B và T mang theo chiếc điện thoại Iphone đã trộm cắp được gọi xe taxi đi lên thành phố HD gặp anh A. Trên đường đi, T ném 03 chiếc sim tháo ra từ 03 chiếc điện thoại đã trộm cắp, T không nhớ ném ở khu vực nào. Khi đến cửa hàng của anh A thì B, T đều vào trong cửa hàng, anh A kiểm tra điện thoại thấy điện thoại bị khóa mật khẩu nên không thể truy cập xem các ứng dụng, tính năng bên trong máy. Anh A nói máy hỏng không mua thì B nói điện thoại có thể sửa và sử dụng bình thường, anh A mua thì sẽ lấy rẻ để B mang máy đi sửa. Lúc này anh A có hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại này thì B nói là bán hộ một người bạn. Sau khi thương lượng, B và T đồng ý bán cho anh A chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 1.500.000 đồng. Còn chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen B và T không đem bán mà để lại phòng trọ. Số tiền 200.000 đồng đã trộm cắp được thì B và T chia nhau mỗi người 100.000 đồng; số tiền 1.500.000 đồng khi bán chiếc điện thoại Iphone 11 pro B giữ lại 800.000 đồng, chia cho T 700.000 đồng. Sau đó, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 21/7/2022, anh Đoàn Mạnh D có đơn trình báo gửi Công an huyện G về việc gia đình anh bị mất trộm tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro màu vàng bên trong lắp sim Vinaphone số thuê bao: 0835031199; 01 điện thoại Sam sung J4 màu đen bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao:

0988315844; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0364432744 và 01 ví da màu nâu bên trong ví có 200.000đồng. Tổng giá trị tài sản khoảng 13.000.000đồng

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 22/7/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lộc kết luận:

- 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng; nhãn hiệu Iphone 11 Pro; màu vàng; dung lượng: 256GB; số máy: MWAV2LL/A; số seri: DNPZN1UAN6XV; IMEI: 353247103319711; IMEI 2: 353247103214425; sản xuất năm 2019; tình trạng máy còn hoạt động tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 9.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng; nhãn hiệu Samsung Galaxy J4; màu đen; số kiểu máy: SM-J400F/DS; IMEI 1: 358131095802964; IMEI 2: 358132095802962; sản xuất tại Việt Nam; mua mới tháng 10/2019; tình trạng máy còn hoạt động tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng; nhãn hiệu Nokia 105; màu đen; IMEI 1: 353109112605367; IMEI 2: 353109113605366; sản xuất tại Việt Nam; mua mới năm 2019; tình trạng máy còn hoạt động tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 200.000 đồng.

- 01 sim điện thoại hòa mạng Vinaphone (qua sử dụng), số thuê bao: 0835031199. Sim không có tiền trong tài khoản tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 70.000đ đồng.

- 02 sim điện thoại hòa mạng Viettel (qua sử dụng), số thuê bao: 0988315844; 0364432744. Sim không có tiền trong tài khoản tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 180.000 đồng.

- 01 chiếc ví nam; loại ngang; đã qua sử dụng; không rõ nhãn hiệu; không rõ xuất xứ; chất liệu: giả da; kích thước: (9,5x12) cm; loại ví trơn; màu nâu; mua mới tháng 06/2022; còn giá trị sử dụng tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị thực tế trên thị trường là: 70.000 đồng.

Tổng giá trị của 07 tài sản trên tại thời điểm tháng 07/2022 là: 10.020.000 đồng.

Tính cả số tiền 200.000 đồng để ở bên trong ví nam thì tổng số tiền bị chiếm đoạt là 10.220.000 đồng.

Trong quá trình điều tra vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 13/7/2022 các bị cáo Phạm Văn T và Đặng Thanh B cùng tự nguyện khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vào ngày 12/7/2022 tại nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn TL, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương và ngày 19/7/2022 tại khu vực trước cửa quán Spa của

chị Đặng Thị Đ2 tại thôn 6, xã TH, huyện NG, tỉnh Hải Dương như sau:

**Vụ thứ hai:** Khoảng 01 giờ ngày 12/7/2022, tại phòng trọ của Thích ở thôn L, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương, B hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 34K1 - 002.86 của anh Thích để đi ăn đêm. Sau đó, B và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. B điều khiển xe đi từ phòng trọ về xã P, huyện G để tìm nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi qua cầu Bình khoảng 500m thì rẽ trái đi vào thôn TL, xã P. Đi được một đoạn, B thấy nhà chị Nguyễn Thị N ở thôn TL, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương đang xây bên trái đường đi, không có cổng, phát hiện thấy có sơ hở nên bảo T vào để trộm cắp. T đồng ý xuống xe, đi bộ vào trong khu vực nhà đang xây thấy có một lán ở bên phải. T đi vào trong lán thì thấy chị N và chồng là anh Bùi Văn Đăng ngủ ở trên giường trong lán. T tiến lại gần chiếc giường này rồi lấy 01 chiếc điện thoại Iphone X để ở đầu giường, 01 chiếc đồng hồ đeo tay để ở trên mặt gối nhựa cạnh giường và 01 túi xách màu nâu treo trên móc quần áo. Sau đó, T mang toàn bộ số tài sản đã trộm cắp đi ra ngoài chỗ B đợi rồi cùng nhau tẩu thoát. B chở T đến gần khu vực cầu Bình thì dừng xe, mở túi xách để kiểm tra thấy bên trong túi xách có 400.000 đồng và một số giấy tờ nên T lấy tiền và rút túi xách cùng giấy tờ ở bên trái đường không rõ khu vực nào. Sau đó, T tháo sim khỏi chiếc điện thoại Iphone X và cũng ném bỏ trên đường đi. B điều khiển xe máy chở T về phòng trọ để ngủ. Khoảng hơn 08 giờ cùng ngày, B tiếp tục mượn xe máy của Thích chở T đến cửa hàng điện thoại Trường Chinh ở số 25 TV, khu TV, phường VT, thành phố HD. B chờ ở bên ngoài, T vào gặp anh Đỗ Văn A1 là chủ quán điện thoại. Tại đây anh A1 hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại thì T nói chiếc điện thoại Iphone X là của anh rể mới chết để lại. Anh A1 đồng ý mua với số tiền là 1.000.000 đồng. Số tiền này B và T chia nhau mỗi người được 500.000 đồng. Chiều ngày 12/7/2022, T bắt xe ôm đến cửa hàng đồng hồ có địa chỉ: số 162 NT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương và bán chiếc đồng hồ trộm cắp cho anh Chu Quang A3 được số tiền là 2.500.000 đồng. Số tiền bán đồng hồ là 2.500.000 đồng và số tiền 400.000 đồng T lấy từ trong túi xách đã trộm cắp, tổng cộng là 2.900.000 đồng thì T giữ lại không chia cho B. Sau đó T và B đều chi tiêu chung hết số tiền trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG-HĐ ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lộc kết luận:

- + 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng; nhãn hiệu Iphone X; màu trắng, dung lượng: 64GB; mua mới tháng 10/2019; tình trạng máy còn hoạt động tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị là 4.500.000 đồng.

- + 01 sim điện thoại hòa mạng Viettel (đã qua sử dụng); số thuê bao: 0335563327; sim không có tiền trong tài khoản tại thời điểm tháng 07/2022 có

giá trị là 90.000 đồng.

+ 01 đồng hồ đeo tay; đã qua sử dụng nhãn hiệu Tissot: loại Le Locle, mặt đen; vỏ trắng; dây da màu nâu - đen; mua mới năm 2018; tình trạng máy còn hoạt động tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị là 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 03 loại tài sản trên là 7.590.000 đồng. Tính cả số tiền 400.000 đồng đã trộm cắp thì tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 7.990.000 đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng hơn 10 giờ ngày 19/7/2022, B và T rủ nhau đi xe buýt từ thị trấn G về huyện NG, Hải Dương với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi qua cầu Ràm được hơn 01 km thì B và T xuống xe đi bộ. Đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, khi B và T đang đi ở ven đường quốc lộ 37 thì phát hiện bên phải đường đi hướng NG - G, khu vực trước cửa quán Spa do chị Đặng Thị Đ2 ở thôn 6, xã TH, huyện NG, tỉnh Hải Dương làm chủ có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng-đen-bạc, biển kiểm soát 34F1-258.61 của anh Phạm Xuân Q đang dựng, chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa điện. B và T quan sát xung quanh không ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này. T tiến lại gần chiếc xe, B đứng cách đó khoảng 5m để canh giới. Khi đến gần xe, T dắt chiếc xe máy ra ngoài đường được khoảng 2 mét thì T ngồi lên xe mở chìa khóa xe và chở B tẩu thoát về phía huyện G. Trên đường đi, B và T vào 01 quán sửa xe ven đường. B hỏi mượn của chủ quán sửa xe chiếc cà lê rồi B dùng cà lê này tháo biển kiểm soát của chiếc xe ra. Sau , hai cùng đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến một đoạn đường vắng, không nhớ địa điểm chính xác, B ném biển kiểm soát của chiếc xe vừa trộm cắp đi. Do tìm nơi tiêu thụ chiếc xe mô tô vừa trộm cắp không được nên B chở T về nhà. Đến sáng ngày 20/7/2022, B mang chiếc xe này đi gửi nhờ ở nhà bạn là Đặng Đình Đ3 ở thôn PK, xã E, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khi gửi xe thì B chỉ nói là xe của B mới mua, đang đợi cấp lại biển số xe. B không nói cho anh Đ3 biết nguồn gốc chiếc xe do B và T trộm cắp mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG-HĐ ngày 09/9/2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lộc kết luận:

+ 01 xe mô tô đã qua sử dụng; nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE: màu sơn: Trắng-đen-bạc; dung tích: 109.1; biển kiểm soát: 34F1-258.61; số máy: JA39E0180467; số khung: 3901HY180415; đăng ký lần đầu tháng 08/2017, còn giá trị sử dụng tại thời điểm tháng 07/2022 có giá trị là 11.000.000 đồng.

Về vật chứng:

- Ngày 23/7/2022 anh Bùi Trọng A đã giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro; anh Lê Văn Đ1 đã giao nộp lại chiếc điện thoại Samsung J4 màu đen và bị cáo B đã giao nộp lại chiếc điện thoại Nokia 105 cho Cơ quan CSĐT



Công an huyện Gia Lộc. Ngày 26/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại số tài sản trên cho anh Đoàn Mạnh D. Sau khi nhận lại tài sản, anh D không yêu cầu các bị can B và T phải bồi thường.

- Ngày 07/9/2022, anh Chu Quang A3 đã giao nộp lại 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Tissot, loại Le Locle, mặt đen; vỏ trắng; dây da màu nâu - đen cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc. Ngày 10/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện trả lại 01 đồng hồ cho chị Nguyễn Thị N. Sau khi nhận lại tài sản, chị N không yêu cầu các bị cáo B và T phải bồi thường thêm đối với chiếc đồng hồ trên.

- Ngày 08/9/2022, anh Đặng Đình Đ3 đã giao nộp lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE, màu sơn: Trắng-đen-bạc, xe không đeo biển kiểm soát: 34F1-258.61, số máy: JA39E0180467; số khung: 3901HY180415. Ngày 10/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Phạm Xuân Q. Sau khi nhận lại tài sản, anh Q không yêu cầu, đề nghị gì đối với chiếc xe này.

Về trách nhiệm dân sự:

- Số tiền 1.500.000 đồng mà anh Bùi Trọng A mua chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro là tài sản riêng của anh A. Anh A tự nguyện cho và không yêu cầu các bị cáo B, T phải hoàn trả anh số tiền trên.

- Số tiền 2.500.000 đồng mà anh Chu Quang A3 mua chiếc đồng hồ nhãn hiệu Tissot là tài sản riêng của anh A3. Anh A3 yêu cầu các bị cáo B, T phải hoàn trả anh số tiền trên.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone X, 01 sim điện thoại Viettel có tổng giá trị là 4.590.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Đức. Đối với chiếc túi xách nữ, loại giả da màu đen đã cũ rách, hư hỏng chị N không yêu cầu định giá chiếc túi và cũng không yêu cầu các bị cáo phải thường chiếc túi xách này. Chị N yêu cầu các bị cáo B, T phải bồi thường số tiền 400.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Iphone X là 4.590.000 đồng.

- 01 chiếc ví nam, 01 sim điện thoại Vinaphone, 02 sim điện thoại Viettel, số tiền 200.000 đồng: anh Đoàn Mạnh D tự nguyện cho các bị cáo, không yêu cầu bồi thường

- Anh Q không yêu cầu các bị cáo T và B phải bồi thường cho anh tiền chi phí làm lại chiếc biển số xe mô tô biển kiểm soát 34F1-258.61 của anh.

Tại Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 11/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Đặng Thanh B về tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đặng Thanh B.

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo T từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2022.

Xử phạt bị cáo B từ 23 tháng đến 26 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo T và bị cáo B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị N và anh Đỗ tiền 400.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Iphone X, 01 sim điện thoại là 4.590.000 đồng, tổng là 4.990.000 đồng; chia theo kỷ phần, mỗi bị cáo bồi thường 2.495.000 đồng. Buộc bị cáo T và bị cáo B phải hoàn trả lại anh A3 số tiền 2.500.000 đồng, mỗi bị cáo trả anh A3 1.250.000 đồng.

- Về án phí: Buộc bị cáo T và bị cáo B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo T, B tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ ngày 13/7/2022, khoảng 01 giờ ngày 12/7/2022 và khoảng 15 giờ ngày 19/7/2022, Phạm Văn T (là người đã tái phạm, chưa được xóa án tích) cùng Đặng Thanh B đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 02 giờ ngày 13/7/2022, tại nhà ở của gia đình anh Đoàn Mạnh D tại thôn PX, xã YK, huyện G, tỉnh Hải Dương, lợi dụng trời đêm tối và sơ hở của gia đình anh D đi ngủ nhưng không khóa cửa nhà, Đặng Thanh B và Phạm Văn T đã lén lút trộm cắp tài sản gồm: 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro trị giá 9.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 trị giá 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 trị giá 200.000 đồng, 01 sim điện thoại hòa mạng Vinaphone trị giá 70.000 đồng, 02 sim điện thoại hòa mạng Viettel trị giá 180.000 đồng, 01 chiếc ví nam trị giá 70.000 đồng (bên trong chiếc ví có 200.000 đồng). Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 10.220.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 12/7/2022, tại khu vực lán xây dựng của gia đình chị Nguyễn Thị N tại thôn TL, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, lợi dụng trời đêm tối và sơ hở của gia đình chị N ngủ trong lán nhưng không có cổng, Đặng Thanh B và Phạm Văn T đã lén lút trộm cắp 01 chiếc đồng hồ nhãn hiệu Tissot trị giá 3.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng trị giá 4.500.000 đồng, bên trong có sim trị giá 90.000 đồng và 01 túi xách bên trong có 400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.990.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ ngày 19/7/2022, tại khu vực quán spa của chị Đặng Thị Đ2 tại thôn 6, xã TH, huyện NG, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở của anh Phạm Xuân Q dựng xe máy nhãn hiệu HONDA, loại: WAVE, màu sơn: Trắng-đen-bạc ngoài cửa quán nhưng chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa điện, không có ai trông coi, Đặng Thanh B và Phạm Văn T đã lén lút trộm cắp chiếc xe máy trên của anh Q. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản trong 03 vụ án các bị cáo đã chiếm đoạt là 29.210.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm

phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do cần tiền để tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị 29.210.000 đồng. Tại Bản án số 15/2020/HS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc và Bản án số 81/2020/HSST ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đều xác định bị cáo T thuộc trường hợp “tái phạm”, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên xác định là “tái phạm nguy hiểm”. Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản”, là đồng phạm giản đơn vì không có sự chuẩn bị, câu kết, tổ chức chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm, đánh giá hai bị cáo đều là người thực hành, có vai trò ngang nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo cùng thực hiện 03 hành vi trộm cắp tài sản, không liên tiếp về mặt thời gian, giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo T, B phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại giai đoạn điều tra đã cùng tự nguyện khai báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc về hành vi phạm tội của các bị cáo trước khi bị phát hiện nên các bị cáo T, B đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với giá trị tài sản chiếm đoạt là 29.210.000 đồng, bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” nên bị xét xử theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, do vậy bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo T nhiều lần bị kết án về các hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên bị cáo là lao động tự do, có thu nhập tuy không ổn định nhưng bị cáo không lấy các lần phạm tội là nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên bị cáo không thuộc trường hợp “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Bị cáo B có 02 tiền sự,

đã bị kết án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng đã được xóa án tích, đã bị xử lý hành chính 03 lần (đã được xóa).

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cân nhắc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản trong cùng khoảng thời gian thể hiện ý thức coi thường pháp luật, cần phải xử nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Vụ thứ nhất:

Bị hại anh D đã nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro , ông C nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, bà H nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J4; không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 03 sim điện thoại, ví da và số tiền 200.000 đồng tiền mặt mà tự nguyện cho các bị cáo số tài sản này nên không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Anh Bùi Trọng A mua lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro với giá 1.500.000 đồng, số tiền này là tài sản riêng của anh A. Anh A tự nguyện cho và không yêu cầu các bị cáo B, T phải hoàn trả anh số tiền trên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Vụ thứ hai:

Bị hại chị N, anh Đ đã nhận lại 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Tissot, những tài sản còn lại không thu hồi được nên chị N, anh Đ yêu cầu các bị cáo T, B phải bồi thường số tiền 400.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Iphone X, 01 sim điện thoại là 4.590.000 đồng, tổng là 4.990.000 đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo T và bị cáo B liên đới bồi thường cho chị N, anh Đ số tiền 4.990.000 đồng; chia theo kỷ phần, mỗi bị cáo bồi thường 2.495.000 đồng. Đối với chiếc túi xách nữ, loại giả da màu đen đã cũ rách, hư hỏng, chị N không yêu cầu định giá chiếc túi và cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc túi xách này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh Chu Quang A3 mua lại chiếc đồng hồ nhãn hiệu Tissot với giá 2.500.000 đồng, số tiền này là tài sản riêng của anh A3. Xét thấy anh A3 không biết chiếc đồng hồ là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, trong quá trình điều tra anh A3 đã giao nộp chiếc đồng hồ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia

Lộc để trả lại cho anh Đức, chị N. Anh A3 yêu cầu các bị cáo B, T phải hoàn trả anh số tiền 2.500.000 đồng nên buộc các bị cáo phải trả lại cho anh A3 số tiền này là phù hợp pháp luật, mỗi bị cáo trả anh A3 1.250.000 đồng.

- Vụ thứ ba:

Bị hại anh Q đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE, không yêu cầu các bị cáo T và B phải bồi thường cho anh tiền chi phí làm lại chiếc biển số xe mô tô biển kiểm soát 34F1-258.61 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ngày 23/7/2022 anh Bùi Trọng A đã giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 11 Pro; anh Lê Văn Đ1 đã giao nộp lại chiếc điện thoại Samsung J4 màu đen và bị cáo B đã giao nộp lại chiếc điện thoại Nokia 105 cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc. Ngày 26/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại số tài sản trên cho anh Đoàn Mạnh D.

Ngày 07/9/2022, anh Chu Quang A3 đã giao nộp lại 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Tissot, loại Le Locle, mặt đen; vỏ trắng; dây da màu nâu - đen cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc. Ngày 10/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện trả lại 01 đồng hồ cho chị Nguyễn Thị N.

Ngày 08/9/2022, anh Đặng Đình Đ3 đã giao nộp lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE, màu sơn: Trắng-đen-bạc, xe không đeo biển kiểm soát: 34F1-258.61, số máy: JA39E0180467; số khung: 3901HY180415. Ngày 10/9/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Phạm Xuân Q.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, các bị cáo phải bồi thường và hoàn trả tài sản nên các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Bà Phạm Thị Thật là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Thích là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen biển kiểm soát 34K1 - 002.86 đã cho anh Thích mượn chiếc xe trên. Anh Thích cho B, T mượn chiếc xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện để đi lại. Bà Thật, anh Thích không biết các bị cáo T và B sử dụng chiếc xe làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô và không xử lý đối với bà Thật và anh Thích là phù hợp.

Anh Lê Văn Đ1 là người giới thiệu cho bị cáo B và T gặp anh Bùi Trọng A để bán chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro và được B cho chiếc điện thoại SamSung J4. Anh Đ1 không biết nguồn gốc tài sản là do B và T trộm cắp mà có nên không xử lý đối với anh Đ1 là phù hợp.

Anh Bùi Trọng A khi mua chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro của T nhưng anh A không biết nguồn gốc tài sản do B và T phạm tội mà có nên không xử lý đối với anh A là phù hợp.

Anh Đặng Đình Đ3 khi cho B gửi chiếc xe mô tô Honda Wave không đeo biển kiểm soát nhưng anh Đ3 không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo B trộm cắp mà có nên không xử lý đối với anh Đ3 là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Iphone X của chị Nguyễn Thị N, bị cáo T đã bán cho anh Đỗ Văn A1. Sau đó, anh A1 bán cho người không quen biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc không thu giữ, quản lý được. Khi mua chiếc điện thoại di động Iphone X của T, anh A1 không biết nguồn gốc tài sản do T trộm cắp mà có nên không xử lý đối với anh A1 là phù hợp.

Đối với 01 chiếc ví da, 01 sim điện thoại hòa mạng Vinaphone, 02 sim điện thoại hòa mạng Vietteli của anh Đoàn Mạnh D, 01 chiếc túi xách, 01 sim điện thoại hòa mạng Vietteli của chị Nguyễn Thị N, bị cáo T đã ném trên đường đi (không nhớ địa điểm ném) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc không thu giữ, quản lý được.

Đối với 01 chiếc biển số xe mô tô đăng ký số 34F1-258.64 của anh Phạm Xuân Q, B đã ném trên đường tẩu thoát (không nhớ cụ thể vị trí ném) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Gia Lộc không thu giữ quản lý được.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đặng Thanh B.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đặng Thanh B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 27 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2022.

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh B 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/7/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đặng Thanh B có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn Đ số tiền 400.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Iphone X, 01 sim điện thoại là 4.590.000 đồng, tổng là 4.990.000 đồng; chia theo kỷ phần, mỗi bị cáo bồi thường 2.495.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đặng Thanh B phải hoàn trả lại anh Chu Văn A3 số tiền 2.500.000 đồng, mỗi bị cáo trả anh A3 1.250.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đặng Thanh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.



**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- Đội THAHS-Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận HSNVCS- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoài Thanh**